TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2025/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 19 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 302/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị N, sinh năm 1996;
- Bị đơn: Anh Triệu Văn C, sinh năm 1990;

Cùng nơi cư trú: Thôn P 4, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bàn Thị N và anh Triệu Văn C.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 10/3/2014 cho chị Bàn Thị N và anh Triệu Văn C không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

+ Giao con chung là cháu Triệu Thị Thu H, sinh ngày 03/01/2022 cho chị Bàn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

+ Giao các con chung là cháu Triệu Thị Thu N, sinh ngày 25/5/2014 và cháu Triệu Đức K, sinh ngày 22/12/2016 cho anh Triệu Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Chị Bàn Thị N và anh Triệu Văn C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không bị ai cản trở; Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2.2. Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Bàn Thị N và anh Triệu Văn C cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.3. Về công nợ chung: Chị Bàn Thị N và anh Triệu Văn C cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.4. Về án phí:

+ Chị Bàn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000436 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Bàn Thị N số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Anh Triệu Văn C không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện Hàm Yên.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng